TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **65**/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 22 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397; Điều 212; Điều 213 – Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) ***Chị Nguyễn Thị Ánh T***, sinh năm 1985

2) ***Anh Bùi Văn Th***, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, quyển số 01/2015 ngày 26/01/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh Th và chị T vẫn

giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu về các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Bùi Văn Th có một con chung là cháu Bùi Đức P, sinh ngày 12/01/2018. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu P cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn; anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Th và chị T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm

[3] Xét thấy chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Bùi Văn Th thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn và cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 12/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về con chung: Anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị Ánh T có một con chung là cháu Bùi Đức P, sinh ngày 12/01/2018. Giao cháu Bùi Đức P cho anh Bùi Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Ánh T cho đến khi anh Th có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Ánh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Bùi Văn Th phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 8339 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Th, chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/3/2019 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Chu Thiện Nghĩa

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;*
- *UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (Để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 07/2015, 01/2015, ngày 26/01/2015);*
- *Lưu: HS, VP.*